

CÁCH TIẾP CẬN CỦA PHẬT GIÁO VỀ SỰ LÃNH ĐẠO TOÀN CẦU VÀ TRÁCH NHIỆM CÙNG CHIA SẺ VÌ XÃ HỘI BỀN VỮNG - THỜI ĐẠI CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

TT. Thích Đức Thiện*

Chúng ta đang ở buổi bình minh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 hay thường được gọi là công nghiệp 4.0. Đây là một cuộc cách mạng công nghệ được dự báo sẽ làm thay đổi căn bản mối quan hệ của chúng ta với những người xung quanh cũng như cách sống và làm việc của chúng ta. Những thay đổi này, về tầm quan trọng, phạm vi và mức độ phức tạp của chúng, sẽ không giống như những gì nhân loại đã biết cho đến tận bây giờ. Chúng ta có thể chưa biết điều gì sẽ xảy ra trong tương lai với cuộc cách mạng công nghệ mới này, nhưng có một điều chắc chắn là ảnh hưởng và tác động của nó sẽ mang tính toàn cầu. Cụ thể, cuộc cách mạng này liên quan đến tất cả các đối tượng cũng như các lĩnh vực: khu vực công, khu vực tư nhân, giới khoa học, các nhà hoạt động văn hóa và tôn giáo và xã hội dân sự.

Không thể phủ nhận rằng cuộc cách mạng 4.0 đã đem tới rất nhiều thành công chưa từng có trên tất cả các khía cạnh của xã hội. Thế nhưng bên cạnh những thành công đó, cuộc cách mạng này cũng đã tạo ra một số vấn đề nghiêm trọng và khó giải quyết trên qui mô toàn cầu. Đó là sự xuống cấp của môi trường và hệ sinh thái, biến đổi khí hậu, bạo lực chính trị có tổ chức, sự nghèo đói và bất bình đẳng. Từ thực trạng này đặt ra vấn đề: Làm thế nào để xây dựng một xã hội bền vững? Lực lượng nào sẽ đủ sức để thực hiện được điều này?

*Tiến sĩ, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Phật giáo được đánh giá không chỉ đơn thuần là một tôn giáo mà nó còn là cả một tư tưởng triết học, đạo đức, và tư duy. Vậy trong thời đại của cuộc cách mạng 4.0 này, *Phật giáo có cách tiếp cận như thế nào về lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ để hướng tới một xã hội bền vững trên toàn cầu?* Đó là những nội dung sẽ được đề cập đến trong bài viết này.

1. THẾ GIỚI HIỆN TẠI VÀ KỈ NGUYÊN CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

1.1. Cách mạng công nghiệp 4.0

1.1.1. Khái niệm và sự xuất hiện

Theo Klaus Schwab, người sáng lập và chủ tịch điều hành Diễn đàn Kinh tế Thế giới, «*Cách mạng công nghiệp đầu tiên sử dụng năng lượng nước và hơi nước để cơ giới hóa sản xuất. Cuộc cách mạng lần 2 diễn ra nhờ ứng dụng điện năng để sản xuất hàng loạt. Cuộc cách mạng lần 3 sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất. Bây giờ, cuộc Cách mạng công nghiệp thứ tư đang nảy nở từ cuộc Cách mạng lần ba, nó kết hợp các công nghệ lại với nhau, làm mờ ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số và sinh học*».

Thuật ngữ Công nghiệp 4.0 xuất hiện lần đầu tiên vào năm 2011 tại Diễn đàn Công nghiệp Hannover. Dự án «*Công nghiệp 4.0*» hay «*Công nghiệp của tương lai*» là một cách mới để tưởng tượng các phương tiện sản xuất. Thuật ngữ này có thể được hiểu là bao gồm một tập hợp các công nghệ và khái niệm liên quan đến việc sắp xếp lại chuỗi giá trị [Hermann, 2015]. Do đó, tầm nhìn của Công nghiệp 4.0 dựa trên giao tiếp thời gian thực để giám sát và hành động trên các hệ thống thực. Các hệ thống này không chỉ giao tiếp và tương tác với nhau, mà còn giao tiếp và tương tác với con người, để phân cấp việc ra quyết định. Do đó, Công nghiệp 4.0 tập trung vào kết nối, từ đó thúc đẩy sự phát triển của các quy trình, sản phẩm và dịch vụ mới. Việc triển khai của nó đòi hỏi sự tích hợp các kỹ năng khác nhau đặc trưng của công nghệ kỹ thuật số.

Khái niệm này sau đó đã là một trong những điểm trọng tâm của một báo cáo mô tả kế hoạch về nền công nghiệp Đức được trình bày bởi một nhóm làm việc liên ngành cũng trong khuôn khổ của Hội chợ Hanover vào năm 2013. Theo báo cáo này, 73%

số công ty được hỏi (trong số 1.300) nghĩ rằng Công nghiệp 4.0, tức là sự kết nối của máy móc, các trang mạng và quy trình sản xuất, sẽ tăng cường thúc đẩy nền kinh tế của nước Đức. Tuy nhiên, theo 80% các công ty, việc thực hiện nó sẽ không thể thực hiện được trước năm 2025 do có rất nhiều khó khăn cần được giải quyết ví dụ như các vấn đề về bảo mật máy tính, thiếu các định mức và tiêu chuẩn, và thiếu nhân sự có trình độ. Các tổ chức giáo dục đại học sẽ không được chuẩn bị đầy đủ cho sự chuyển đổi này vào thời điểm hiện tại và cần phải lấp đầy khoảng trống này càng sớm càng tốt. Các ngành công nghiệp dự kiến sẽ được hưởng lợi nhiều nhất từ Công nghiệp 4.0 là ô tô, cơ khí, kỹ thuật điện và CNTT.

1.1.2. Các yếu tố cốt lõi của công nghiệp 4.0

Công nghiệp 4.0 là xu hướng hiện thời trong việc tự động hóa và trao đổi dữ liệu trong công nghệ sản xuất nhằm cải thiện quy trình sản xuất. Tuy nhiên, sự hiện diện ngày càng tăng của các cảm biến và trao đổi thời gian thực cũng mở ra các cơ hội mới trong việc định nghĩa về các sản phẩm truyền thông, cũng như trong «*dịch vụ hóa*» sản phẩm [Kohler & Weisz, 2015]. Về cơ bản, những đóng góp của kỹ thuật số có thể được chia thành ba trục chính:

** Về mặt quy trình, Công nghiệp 4.0 hứa hẹn sẽ chuyển đổi phương thức sản xuất từ sản xuất hàng loạt sang sản xuất cá nhân hóa. Các quy trình sẽ nhanh gọn hơn và có thể được cấu hình lại để phù hợp với nhu cầu của khách hàng và tối đa hóa việc tạo ra giá trị. Các quyết định liên quan tới sản xuất được điều chỉnh theo thời gian thực nhờ có sự xuất hiện của các máy tự chủ cũng như nhờ sự giao tiếp giữa các máy và các hệ thống không gian mạng thực-ảo.*

Trong trục này ta có thể thấy các mô-đun nhà máy thông minh (smart factory) như một phần của tầm nhìn Công nghiệp 4.0 với việc tự động cấu hình lại dây chuyền sản xuất và máy móc để đáp ứng nhu cầu sản xuất phù hợp theo nhu cầu cá nhân chứ không phải sản xuất hàng loạt. Trong các nhà máy thông minh này, hệ thống giám sát thực-ảo các quy trình thực tế, tạo ra một bản sao ảo của thế giới thực và đưa ra các quyết định phân tán. Qua Internet Vạn Vật, các hệ thống thực-ảo giao tiếp và cộng tác với nhau và với con người trong thời gian thực, và với sự hỗ trợ của Internet Dịch

vụ, dịch vụ nội hàm và dịch vụ xuyên tổ chức được cung cấp cho các bên tham gia chuỗi giá trị sử dụng.

Ví dụ đặc trưng của loại hình chuyển đổi phương thức sản xuất này có thể kể đến Uber và Grab. Với việc áp dụng công cụ phần mềm khiến cho sản phẩm dịch vụ (ở đây là các chuyến đi) được đến tay người sử dụng với sự minh bạch về giá cả, quãng đường cũng như chi phí rẻ và hạn chế lừa gạt, Uber và Grab mặc dù không sở hữu bất kì một chiếc xe nào đã dần thay thế vị trí của các hãng taxi truyền thống trước kia và trở thành một trong những hãng taxi lớn trên thế giới. Thậm chí dù tuổi đời còn rất trẻ nhưng giá trị các công ty này đã vượt qua cả đế chế sản xuất xe hơi có tuổi đời hàng trăm năm. Cùng một nguyên tắc hoạt động, ta có Airbnb trong lĩnh vực khách sạn. Đây là trang web đặt phòng du lịch kết nối nhiều nguồn cung cấp dịch vụ từ những cá nhân có phòng trống, nhà trống cho thuê đến các khách sạn, nhà nghỉ v.v...

Những ví dụ tiêu biểu khác ta có thể thấy là Netflix, dịch vụ xem phim trực tuyến của Mỹ đã chính thức đặt chân vào thị trường Việt Nam vào năm 2016¹ hay phiên bản tương đương ở Việt Nam là FPT play, Fim+ v.v... Cùng một nguyên lý như Uber hay Grab, cũng nhờ vào sự kết nối Internet, các dịch vụ xem phim trực tuyến này cung cấp cho người dùng toàn bộ các phim đã có bản quyền, video chất lượng cao và có app để xem phim trên rất nhiều loại thiết bị, từ laptop, điện thoại, tablet, cho đến smart TV và cả một số hệ thống giải trí như các máy chơi game console Playstation, X box... Thay vì đến các rạp truyền thống, người tiêu dùng có thể hoàn toàn chủ động về thời gian và không gian khi xem phim cũng như khối lượng phim muốn xem với một chi phí rẻ hơn hẳn so với cùng lượng phim nếu xem ở rạp truyền thống.

** Các sản phẩm được kết nối cho phép thu thập dữ liệu thời gian thực.* Những dữ liệu này có thể được phân tích ngay lập tức và cho phép hệ thống thích nghi với môi trường của nó một cách tự chủ, hoặc được sử dụng sau đó để phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ mới.

Ví dụ về chiếc xe tự lái minh họa cho khả năng thích ứng với môi trường bên ngoài của các hãng Tesla hay Google, hay cô người

1. Nhân sự kiện Hiệp hội Công nghệ Người tiêu dùng CES 2016 diễn ra tại Mỹ, Netflix tuyên bố mở rộng dịch vụ tại 130 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có Việt Nam.

máy nổi tiếng Sophia² của công ty Hanson Robotics Hồng Kông, một robot có ý thức, có sự sáng tạo và có khả năng như bất kỳ con người nào để giúp con người trong các vấn đề cuộc sống thường ngày như để phục vụ chăm sóc sức khỏe, điều trị, giáo dục và các ứng dụng dịch vụ khách hàng.

** Sự sẵn có của dữ liệu và khả năng phân tích chúng dẫn đến cơ hội phát triển các dịch vụ mới (dịch vụ dựa trên dữ liệu - [PWC, 2016]).* Sự ra đời của các dịch vụ thế hệ mới cho phép phát triển các thị trường mới.

Ví dụ về việc sản xuất thiết bị gắn trên găng tay cho người chơi golf được kết nối trên điện thoại thông minh, nhiều công ty như Sensosolutions của Đức hay Zepp của Mỹ cung cấp dịch vụ cho người dùng thông qua phân tích dữ liệu. Người dùng nhận thông tin và tư vấn kỹ thuật nhằm giúp cải thiện cách chơi của mình. Các găng tay này có lắp các cảm biến cực nhạy cho phép phân tích áp lực của các cú swing thông qua các phản hồi bằng âm thanh và hình ảnh ở thời gian thực khoảng 80 lần mỗi giây. Cảm biến này cũng cho phép cảnh báo ngón tay nào đang nắm quá chặt để giúp điều chỉnh độ bám.

Các ví dụ khác như: Watson với những phần mềm khám chữa bệnh có khả năng giúp các y tá chẩn đoán ung thư chính xác hơn tới 4 lần so với y tá là người, Facebook hiện nay cũng đã có những thuật toán nhận diện khuôn mặt tốt hơn cả chính con người. Nhiều nơi trên thế giới, để phát triển nông nghiệp còn có những ứng dụng cho phép các cảm biến cảnh báo khi nào đất khô tới mức cần phải tưới và thậm chí kết hợp luôn cả hệ thống tưới tự động. Tất cả các thông tin hay hoạt động này đều được thực hiện một cách tự động, động lập và gửi báo cáo về máy tính hoặc điện thoại thông minh của chủ đất canh tác.

Theo đề xuất từ Tập đoàn tư vấn Boston [BCG, 2015], các yếu tố cốt lõi về đòn bẩy công nghệ của CMCN 4.0 gồm 9 nhóm sau:

- Dữ liệu lớn (Big Data): là một thuật ngữ cho việc xử lý một

2. Sophia là một robot hình dạng giống con người được phát triển bởi công ty Hanson Robotics ở Hồng Kông. Sophia được kích hoạt ngày 19 tháng 4 năm 2015, xuất hiện lần đầu tại Liên hoan South By Southwest (Liên hoan thường niên hàng năm tổ chức tại Texas, Austin vào trung tuần tháng 3 với các sự kiện lớn về công nghệ, ca hát hay phim truyện).

tập hợp dữ liệu rất lớn và phức tạp mà các ứng dụng xử lý dữ liệu truyền thống không xử lý được. Dữ liệu lớn bao gồm các thách thức như phân tích, thu thập, giám sát dữ liệu, tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ, truyền nhận, trực quan, truy vấn và tính riêng tư.

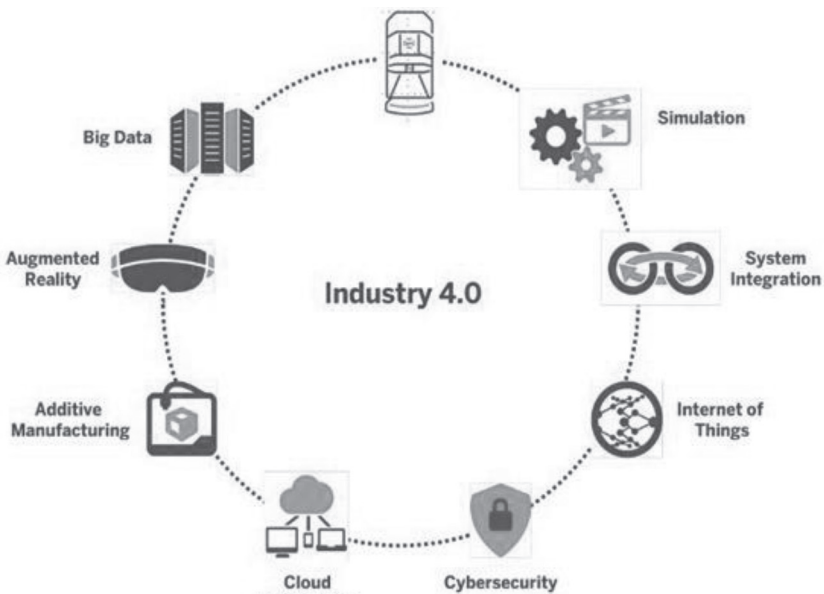
- Trí tuệ nhân tạo (AI): là một ngành thuộc lĩnh vực khoa học máy tính. Là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp máy tính có thể tự động hóa các hành vi thông minh như con người. Trí tuệ nhân tạo khác với việc lập trình logic trong các ngôn ngữ lập trình là ở việc ứng dụng các hệ thống học máy (machine learning) để mô phỏng trí tuệ của con người trong các xử lý mà con người làm tốt hơn máy tính. Cụ thể, trí tuệ nhân tạo giúp máy tính có được những trí tuệ của con người như: biết suy nghĩ và lập luận để giải quyết vấn đề, biết giao tiếp do hiểu ngôn ngữ, tiếng nói, biết học và tự thích nghi v.v...

- Điện toán đám mây (Cloud Computing): Thuật ngữ cloud computing ra đời giữa năm 2007 không phải để nói về một trào lưu mới, mà để khái quát lại các hướng đi của cơ sở hạ tầng thông tin đã và đang diễn ra. Quan niệm này có thể được diễn giải một cách đơn giản: các nguồn điện toán khổng lồ như phần mềm, dịch vụ và các dịch vụ sẽ nằm tại các máy chủ ảo (đám mây) trên Internet thay vì trong máy tính gia đình và văn phòng (trên mặt đất) để mọi người kết nối và sử dụng mỗi khi họ cần. Với các dịch vụ sẵn có trên Internet, doanh nghiệp không phải mua và duy trì hàng trăm, thậm chí hàng nghìn máy tính cũng như phần mềm. Họ chỉ cần tập trung vào kinh doanh lĩnh vực riêng của mình bởi đã có người khác lo cơ sở hạ tầng và công nghệ thông tin thay họ. Google nằm trong số những hãng ủng hộ điện toán máy chủ ảo tích cực nhất bởi hoạt động kinh doanh của họ dựa trên việc phân phối các cloud (virtual server). Đa số người dùng Internet đã tiếp cận những dịch vụ đám mây phổ thông như e-mail, album ảnh và bản đồ số.

- Vạn vật kết nối (Internet of Things IoT): tổ chức Global Standards Initiative on Internet of Things (IoT-GSI) định nghĩa IoT là «hạ tầng cơ sở toàn cầu phục vụ cho xã hội thông tin, hỗ trợ các dịch vụ (điện toán) chuyên sâu thông qua các vật thể (cả thực lẫn ảo) được kết nối với nhau nhờ vào công nghệ thông tin và truyền thông hiện hữu được tích hợp.

- Hệ thống không gian mạng thực-ảo (cyber-physical system)
- An ninh mạng
- Robot/máy móc tự động
- Liên lạc giữa các máy (Machine-to-Machine, M2M)
- Các hệ thống mô phỏng và tăng cường thực tế.

Các nhóm công nghệ này tập hợp nhiều công nghệ, phương pháp tiếp cận, phương pháp và kỹ thuật, như được hiển thị sơ đồ trong hình dưới đây. Sự kết hợp một cách khôn ngoan các yếu tố này sẽ cho phép thực hiện các chiến lược kỹ thuật số của công ty.



Nguồn: BCG - Institute_Aethon.com

1.2. Thực trạng xã hội và ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp 4.0

Trong vòng gần 300 năm qua, kể từ năm 1750 lúc bắt đầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất với sự ra đời của đầu máy hơi nước dân số toàn cầu đã tăng gấp gần 10 lần từ 0,8 tỷ người lên đến 7,7 tỷ người vào năm 2018³. Với tỷ lệ tăng dân số hiện nay là 1,1%

3. Số liệu cung cấp bởi Wouldometers

mỗi năm, trong vòng 30 năm nữa chúng ta sẽ đạt tới khoảng 10 tỷ người trên hành tinh này.

Khoa học và công nghệ đã phát triển với tốc độ kỷ lục trong thời gian này. Công nghiệp hóa đã biến đổi một cách căn bản toàn bộ cấu trúc kinh tế xã hội của nhân loại.

Tuy nhiên, trong giai đoạn đặc biệt phong phú này của lịch sử nhân loại, nền kinh tế của các quốc gia khác nhau đã phát triển đặc biệt không đồng đều. Tổng sản phẩm quốc dân bình quân đầu người ở các nước phát triển, cao hơn gấp 80 lần so với các nước đang phát triển⁴. Sự phát triển về công nghệ cũng đã dẫn đến một sự thay đổi to lớn trong lối sống, đặc biệt là ở các nước giàu, đòi hỏi nhiều tài nguyên hơn và song song với nó là tạo ra nhiều chất thải hơn. Thêm vào đó là sự gia tăng dân số, điều này một mặt dẫn đến sự khai thác quá mức nhiều tài nguyên thiên nhiên và mặt khác là sự ô nhiễm nghiêm trọng và suy kiệt môi trường. Cuộc sống và điều kiện sống của người dân ở các nơi khác nhau trên thế giới chính vì vậy ngày càng trở nên phụ thuộc lẫn nhau hơn. Các quyết định và hành vi của một quốc gia và cư dân của nó ảnh hưởng ngày càng nhiều tới các quốc gia khác. Thế giới với cộng đồng các quốc gia khác nhau đã dần dần bắt đầu giống như một xã hội toàn cầu - xã hội này còn kém phát triển vì nó thiếu các quy tắc và thể chế đồng nhất làm chuẩn chung (pháp lý, sự bảo vệ xã hội, hệ thống giáo dục, bảo vệ môi trường v.v...). Bên cạnh đó, xung đột lợi ích đã trở nên phổ biến hơn và nghiêm trọng hơn, thậm chí giữa các quốc gia nằm ở vị trí địa lý rất xa nhau.

Trong bối cảnh xã hội như vậy, cuộc Cách mạng Công nghệ 4.0 chắc chắn cũng dẫn tới những thay đổi sâu rộng hơn nữa trên mọi khía cạnh khác nhau. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến khía cạnh kinh tế, đồng thời cũng có tác động mạnh mẽ tới khoa học, xã hội, chính trị và môi trường.

1.2.1. Cơ hội mang lại của cuộc Cách mạng 4.0

Liên quan tới kinh tế, Công nghiệp 4.0 cho phép cải thiện cách thức và quy trình sản xuất, phân phối, cũng như tiết kiệm chi phí, tăng hiệu năng nên cơ hội đầu tiên mà cuộc cách mạng này đem lại đó chính là tăng trưởng thu nhập và kinh tế.

4. Theo cuốn những thách thức lớn nhất của thời đại của lászló szombatfalvy

Với Công nghiệp 4.0, các doanh nghiệp có khả năng sản xuất hàng hóa thông qua máy in 3D, điều này có thể dẫn đến phân cấp và định vị lại sản xuất, hoặc thậm chí thay đổi định hướng của một phần của các hoạt động kinh tế, thay vì lấy trọng tâm làm cung thì giờ sẽ tập trung vào nhu cầu. Ngoài ra, thay vì sản xuất hàng loạt và sản xuất sản phẩm trước khi tìm được người mua, sau đó mới tìm kiếm người mua thông qua chi phí quảng cáo và tiếp thị đáng kể, một phần của sản xuất với cuộc cách mạng lần thứ 4 này có thể trở nên cá nhân hóa hơn và gắn với nhu cầu cụ thể của khách hàng cụ thể. Thêm vào tất cả những yếu tố này, Cách mạng 4.0 cho phép làm việc từ xa, bán sản phẩm và dịch vụ trực tuyến, tiếp thị dựa trên dữ liệu lớn hoặc quảng cáo trên mạng xã hội. Tất cả những yếu tố này đã hoặc sẽ sớm có ảnh hưởng mạnh mẽ đến cuộc sống hàng ngày của các tác nhân kinh tế.

Liên quan tới năng lượng và môi trường: cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 với việc số hóa các hoạt động kinh tế sẽ giúp chúng ta cải thiện được hiệu quả sử dụng năng lượng và tài nguyên bằng cách giảm tiêu thụ năng lượng và tăng cường bảo vệ tài nguyên môi trường. Theo dự báo của Sáng kiến bền vững điện tử toàn cầu (GeSi), số hóa có thể giúp chúng ta tiết kiệm đến năm 2020 khoảng 16% lượng khí thải CO₂ toàn cầu. Thành phố thông minh, nhà thông minh, lưới điện thông minh, nhà máy thông minh: những đổi mới này có thể làm cho nền kinh tế của chúng ta xanh hơn hay việc tạo ra các nguyên vật liệu và năng lượng mới thay thế cho những nguyên vật liệu và năng lượng cũ làm trầm trọng hóa việc phát thải khí nhà kính hoặc không thích ứng tốt với BĐKH. Các sản phẩm của Cách mạng 4.0 như vậy giúp chúng ta bảo vệ được môi trường và ứng phó với BĐKH. Ngoài ra, được sử dụng đúng cách, các công nghệ kỹ thuật số có thể giúp sản xuất hàng hóa phù hợp hơn với nhu cầu và hiệu quả hơn, giảm lãng phí năng lượng và nguyên liệu thô và tăng khả năng cạnh tranh của các công ty.

Công nghiệp 4.0 cũng cho phép kiểm soát thông minh hơn các luồng vận chuyển và hàng hóa, giảm tiêu thụ năng lượng và chi phí. Tuy nhiên, có một điểm cần lưu ý đối với cuộc cách mạng này đó là cần ngăn chặn việc tiêu thụ năng lượng điện quá mức, liên quan đến các hệ thống hỗ trợ tin học cho quá trình số hóa.

Đối với cuộc sống của con người, cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 sẽ cho phép con người hưởng lợi từ những phát minh và tiến bộ khoa học vượt bậc, đơn giản hóa, hiện đại hóa và tiện nghi hóa cuộc sống của con người. Sức khỏe của con người trong môi trường làm việc cũng sẽ được đảm bảo hơn do những phần việc nguy hiểm đã được máy móc xử lý còn con người chỉ tham gia giám sát. Các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp một cách phong phú hơn, rẻ hơn và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của mỗi cá nhân. An toàn thực phẩm sẽ được kiểm soát chặt hơn, tốt hơn, sạch hơn. Môi trường sống sẽ tốt hơn vì chất thải được kiểm soát tốt. Ngoài ra, con người cũng có thể được làm những việc vui vẻ hơn, hấp dẫn hơn, không bị nhàm chán. Những công việc nhàm chán như phân loại thư từ, đơn hàng hay các công việc nặng nhọc sẽ được thực hiện bởi máy móc. Quý thời gian nhàn rỗi của con người có thể được tăng lên. Trong những môi trường làm việc nguy hiểm, con người không phải xuất hiện nên giảm tỉ lệ tử vong, bệnh tật cho người lao động. Và với sự tăng trưởng của nền kinh tế, thu nhập của người lao động cũng như phúc lợi xã hội sẽ được tăng cao.

1.2.2. Thách thức và rủi ro của cuộc Cách mạng 4.0

Hiện Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang diễn ra tại các nước phát triển như Mỹ, châu Âu, một phần châu Á. Bên cạnh những cơ hội mới, Cách mạng Công nghiệp 4.0 cũng đặt ra cho nhân loại nhiều thách thức phải đối mặt.

Thứ nhất, mặt trái của Cách mạng Công nghiệp 4.0 là nó có thể gây ra sự bất bình đẳng. Đặc biệt là nó có thể phá vỡ thị trường lao động. Khi tự động hóa thay thế lao động chân tay trong nền kinh tế, khi robot thay thế con người trong nhiều lĩnh vực, hàng triệu lao động trên thế giới có thể rơi vào cảnh thất nghiệp, nhất là những người làm trong lĩnh vực bảo hiểm, môi giới bất động sản, tư vấn tài chính, vận tải, lắp ráp cơ khí v.v...

Báo cáo của Diễn đàn Kinh tế Thế giới đã đặt ra vấn đề này theo các giai đoạn khác nhau. Giai đoạn đầu tiên sẽ là thách thức với những lao động văn phòng, trí thức, lao động kỹ thuật. Giai đoạn tiếp theo sẽ là lao động giá rẻ, có thể sẽ chậm hơn. Với sự chuyển động của cuộc cách mạng này, trong khoảng 15 năm tới thế giới sẽ có diện mạo mới, đòi hỏi các doanh nghiệp thay đổi.

Sự bất bình đẳng này cũng làm tăng thêm khoảng cách giàu nghèo không chỉ giữa các tầng lớp khác nhau trong xã hội và còn giữa quốc gia này với quốc gia khác. Giai cấp lao động chân tay hay tham gia công việc thuần túy ít sử dụng chất xám cũng như các quốc gia tụt hậu sẽ ngày càng bị tụt lại và khó có khả năng bắt kịp sự phát triển như vũ bão diễn ra hàng ngày, hàng giờ của công nghệ ở thời đại Cách mạng 4.0.

Thứ hai, những bất ổn về kinh tế nảy sinh từ cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 sẽ dẫn đến những bất ổn về đời sống. Hệ lụy của nó sẽ là những bất ổn về chính trị, sắc tộc, tôn giáo. Bên cạnh đó, những cuộc chạy đua vũ trang chưa bao giờ nguội cũng góp phần làm trầm trọng thêm các bất ổn này. Nếu chính phủ các nước không hiểu rõ và chuẩn bị đầy đủ cho làn sóng Công nghiệp 4.0, nguy cơ xảy ra bất ổn trên toàn cầu là hoàn toàn có thể.

Những nghiên cứu mới về sinh học cũng có thể sẽ dẫn đến việc hệ sinh thái bị mất cân bằng hoặc đột biến ví dụ như sự xuất hiện của những sản phẩm biến đổi gen: cà chua lai dâu tây, cá lai gà v.v...

Thứ ba, những thay đổi về cách thức giao tiếp trên Internet cũng đặt con người vào nhiều nguy hiểm về tài chính, sức khỏe. Thông tin cá nhân nếu không được bảo vệ một cách an toàn sẽ dẫn đến những hệ lụy khôn lường. Việc tăng cường khả năng kết nối từ xa (Vạn vật kết nối) cũng sẽ khiến các giao tiếp giữa người với người bị giảm thiểu.

Thứ tư, con người có khả năng ngày càng bị bó hẹp lại và sống chủ yếu trong giao tiếp ảo hay giao tiếp giữa người và máy (ví dụ như con người và máy smart phone, các robot phục vụ trong các cơ sở y tế, văn hóa thay vì con người v.v...). Những giá trị xã hội cũng như các mối quan hệ giữa người và người sẽ biến đổi. Những vấn đề về tinh thần hay tâm sinh lý có thể bị trầm trọng hóa nếu không được phát hiện sớm và kịp thời xử lý.

2. PHẬT GIÁO

2.1. Sự ra đời của Phật giáo

Phật giáo được Đức Phật Thích-ca Mâu-ni (Sakyamuni) truyền giảng ở miền Bắc Ấn Độ vào thế kỷ 6 TCN. Đức Phật sau khi giác ngộ chứng đạo tại Bodgaya, Ngài đã truyền bá giáo lý thoát khổ

cho chúng sinh trong khoảng thời gian 49 năm đến nhiều nơi, đến nhiều chủng tộc nên lịch sử phát triển của đạo Phật khá đa dạng về các bộ phái cũng như các nghi thức hay phương pháp tu học. Ngay từ buổi đầu, đức Bản sư Thích-ca Mâu-ni, người sáng lập đạo Phật đã tổ chức được một giáo hội với các giới luật chặt chẽ. Nhờ vào sự uyển chuyển của giáo pháp, đạo Phật có thể thích nghi với nhiều hoàn cảnh xã hội, nhiều đối tượng con người khác nhau, nhiều tập tục ở các thời kỳ khác nhau. Do đó ngày nay, Phật giáo vẫn tiếp tục tồn tại và ngày càng phát triển rộng rãi trên toàn thế giới ngay cả trong các nước có nền khoa học tiên tiến như Hoa Kỳ và Tây Âu.

2.2. Hiện trạng Phật giáo hiện nay trên Thế giới

Trong một tài liệu được công bố vào tháng 8 năm 2018 của Viện nghiên cứu Phật giáo tại Pháp, hiện tổng số thành viên của Phật giáo trên toàn thế giới lên đến 630 triệu người tập trung chính ở Đông Nam Á với khoảng 220 triệu người. Tại khu vực này, tỷ lệ dân chúng theo Phật giáo cao nhất là Lào (96% tổng số dân), Campuchia (95%), Thái Lan (95%), Myanmar (90%), Việt Nam (85%), tiếp đó Sri Lanka (70%), Singapore (55%), Mã Lai (22%), và cuối cùng là Phi-lip-pin (2.5%) và In-đô-nê-si-a (1%). Các nước mà số lượng dân chúng theo Phật giáo chiếm tỷ lệ lớn trong dân số có thể kể đến là Mông Cổ (90%), Bu-tan (75%), Ti-bê (100%). Xét về số lượng người, Trung Quốc là nước có số lượng người theo Phật giáo đông nhất lên tới 275 triệu người dù chỉ chiếm 20% dân số. Tiếp đó là Việt Nam 72 triệu người – đông thứ 2 trên thế giới sau Trung Quốc, Thái Lan 61 triệu người – đông thứ 3, Nhật Bản 51 triệu người (40% dân số) xếp thứ 4, Myanmar 43 triệu người xếp thứ 5 và Hàn Quốc 40 triệu người (55% dân số) xếp thứ 6. Tại Ấn Độ, chiếc nôi của Phật giáo, số lượng người theo tôn giáo này chỉ chiếm 1% dân số tức 11.3 triệu người. Tại Châu Âu, Nga là nước có số lượng người theo đạo Phật đông nhất lên tới 1.4 triệu người, chiếm 1% dân số, Pháp đứng thứ 2 với 1 triệu người chiếm 1.5% dân số, Đức và Anh đứng thứ 3 với 824.000 người Đức – 1% dân số và 732.000 người Anh – 1.2% dân số. Tại Châu Mỹ, Hoa Kỳ dẫn đầu với 6 triệu người chiếm 2% dân số, tiếp đó là Canada 1,17 triệu người chiếm 3.5% dân số và Châu Mỹ la tinh 820.500 người chiếm 0.2% dân số. Tại Châu Đại Dương, Úc có 430.500 người chiếm 2.1% dân số, còn lại các nước khác là 68.900 người chiếm 0.7% dân số.

Tại các nước phát triển số người theo đạo Phật trong những năm gần đây gia tăng nhanh chóng. Tại Mỹ, công chúng yêu mến đạo Phật cũng có sự gia tăng đáng kể. Trong một cuộc khảo sát về tình cảm của người Mỹ đối với các nhóm tôn giáo khác nhau được tiến hành vào năm 2017, Pew nhận được kết quả khá bất ngờ khi những người trẻ trong độ tuổi từ 18 đến 29 tuổi yêu mến đạo Phật chiếm tỷ lệ cao nhất. Theo Scott A. Mitchell, chuyên gia thuộc viện Nghiên cứu Phật học có trụ sở tại California, ngày nay dễ dàng tìm kiếm và nhận biết các cơ sở tâm linh hải ngoại đặt tại Hoa Kỳ xuất phát từ các tông phái Phật giáo có nguồn gốc châu Á. Tại Pháp, từ những năm 1970, cũng như ở các nước khác, Phật giáo đã phát triển rất mạnh mẽ. Một số bậc thầy của các nhánh khác nhau đã thành lập các trung tâm tại đây như: Ryotan Tokuda, Taisen Deshimaru hoặc Thích Nhất Hạnh, Kalou Rinpoche, Guendune Rinpoche, Dilgo Khyentse Rinpoche, Tharchin Rinpoche v.v... Một số tổ chức Phật giáo được Văn phòng Trung ương giáo phái công nhận là hội đoàn tôn giáo, phụ thuộc vào Bộ Nội vụ, theo luật ngày 09 tháng 12 năm 1905 liên quan đến việc tách Nhà thờ và Nhà nước. Và cũng giống như các tôn giáo được thành lập ở Pháp trong một thời gian dài hơn, Phật giáo ngày nay cũng có các chương trình phát sóng trên truyền hình. Theo Liên đoàn Phật giáo Pháp, có khoảng 800.000 Phật tử tại Pháp vào năm 1986, 3/4 trong số đó có nguồn gốc châu Á. Số lượng Phật tử được TNS Sofres công bố vào tháng 4 năm 2007 là 500.000 Phật tử (trên 15 tuổi), và năm 2018 theo Viện nghiên cứu Phật giáo số lượng này đã tăng gấp đôi. Năm 1999, nhà xã hội học Frédéric Lenoir ước tính rằng có năm triệu người «đồng cảm» với Phật giáo tại Pháp.



Bản đồ phân bố thành viên của Phật giáo trên thế giới (số lượng người theo Phật giáo chiếm số % trong tổng số dân)

3. CÁCH TIẾP CẬN CỦA PHẬT GIÁO VỀ SỰ LÃNH ĐẠO TOÀN CẦU VÀ TRÁCH NHIỆM CÙNG CHIA SẺ VÌ XÃ HỘI BỀN VỮNG - THỜI ĐẠI CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

“*Cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững*”, Vesak 2019 trao đổi các vấn đề, trong đó có cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm chia sẻ vì xã hội bền vững; sự lãnh đạo có chánh niệm vì hòa bình bền vững. Đặc biệt, các vấn đề Phật giáo trong đời sống, như cách tiếp cận của Phật giáo về gia đình hòa hợp, chăm sóc sức khỏe và xã hội bền vững, cách tiếp cận của Phật giáo về giáo dục đạo đức toàn cầu, cách mạng công nghiệp 4.0 và Phật giáo và cách tiếp cận của Phật giáo về tiêu thụ có trách nhiệm và phát triển bền vững cũng được đề cập đến.

3.1. Xã hội bền vững

Khái niệm về một xã hội bền vững đã được đưa ra vào đầu những năm 80s. Năm 1981, Lester Brown, người sáng lập ra Viện Worldwatch⁵, đã định nghĩa nó là «*Một xã hội có thể thỏa mãn nhu cầu của mình mà không làm giảm cơ hội của các thế hệ tương lai*».

Trong những năm qua, khái niệm này đã phát triển và tích hợp thêm một loạt các vấn đề về xã hội và môi trường. Nhiều nhà hoạt

5. Viện Theo dõi Môi trường Thế giới Worldwatch là một tổ chức nghiên cứu môi trường tập trung toàn cầu có trụ sở tại Washington, D.C.

động hình dung một xã hội bền vững như một sơ đồ tập hợp (dạng biểu đồ Venn) gồm ba mối quan tâm chồng chéo lẫn nhau là: Môi trường, Xã hội, và Kinh tế.

Trong một thế giới bền vững, mỗi một khía cạnh, lĩnh vực phải hoạt động hài hòa với nhau. Con người của ngày hôm nay được trao mọi cơ hội để phát triển và trở nên thịnh vượng nhưng những tài nguyên của ngày mai cần được bảo vệ và gìn giữ.

Để đánh giá về một xã hội bền vững, Quỹ xã hội bền vững Hà Lan⁶ đã công bố một chùm các chỉ số gọi là chỉ số xã hội bền vững (Sustainability Society Index SSI)⁷ vào năm 2006. Chỉ số này được cập nhật 2 năm một lần và cho phép đánh giá mức độ tiến bộ theo hướng bền vững ở khoảng 150 quốc gia. Hiện nay, SSI cũng đã được triển khai ở cấp khu vực và đang được nghiên cứu phát triển ở cấp địa phương.

Chỉ số xã hội bền vững xếp hạng mỗi quốc gia theo ba «chiều phúc lợi»:

- *Sức khỏe môi trường*: Thiên nhiên và môi trường (ví dụ: chất lượng không khí), khí hậu và năng lượng (ví dụ: giảm khí thải nhà kính) và tài nguyên thiên nhiên (ví dụ: đa dạng sinh học).

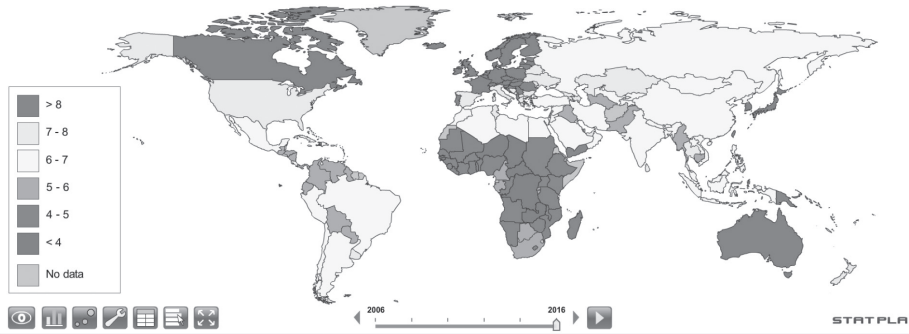
- *Sức khỏe của con người*: Nhu cầu cơ bản (ví dụ: nước an toàn), phát triển cá nhân và xã hội (ví dụ: bình đẳng giới) và sức khỏe (ví dụ: nước sạch).

- *Sức khỏe kinh tế*: Chuyển đổi (ví dụ: canh tác hữu cơ, chuyển đổi sinh kế) và kinh tế (ví dụ: việc làm).

Dưới đây là kết quả chỉ số xã hội bền vững được thực hiện vào năm 2016. Chỉ số càng cao thì mức độ bền vững càng lớn, nổi bật trong đó là các nước Bắc Mỹ và Tây Âu. Các nước Châu Phi là nước có chỉ số này thấp nhất do cả ba yếu tố môi trường, con người và kinh tế cộng lại.

6. Quỹ Xã hội Bền vững - SSF – là một quỹ tư nhân đã được Geurt van de Kerk và Arthur Manuel thành lập vào năm 2006 tại Hà Lan. Mục tiêu chính vẫn là phát triển Chỉ số xã hội bền vững - SSI - công bố và phổ biến kết quả sau mỗi hai năm.

7. <http://www.ssfindex.com/>



SSI 2016 – Quỹ Xã hội Bền vững

Vậy câu hỏi đặt ra là một xã hội như thế nào được gọi là xã hội bền vững ở thế kỷ 21 nhất là trong thời đại công nghiệp 4.0?

Hiểu một cách cơ bản nhất thì xã hội đó phải là xã hội tự túc, không gây ô nhiễm, các nguồn năng lượng tái tạo cung cấp được năng lượng nhằm tạo các hệ thống năng lượng bền vững thay thế các năng lượng cũ tạo phát thải cao, kỹ thuật sản xuất hiệu quả hơn và ứng dụng công nghệ mới, tăng tiêu dùng có trách nhiệm để giúp giảm bớt hoặc loại bỏ các chất thải. Nhờ đó, môi trường có thể được bảo tồn cho các thế hệ tương lai, nhiệt độ toàn cầu có thể ngừng tăng cao, chất lượng không khí, nước, môi trường sống tự nhiên và hệ sinh thái quan trọng sẽ được bảo vệ và bảo hộ bởi luật pháp.

Ngày 25/9/2015, hội nghị thượng đỉnh phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc với sự tham gia của 193 quốc gia thành viên đã chính thức thông qua chương trình Nghị sự phát triển bền vững toàn cầu đến năm 2030, bao gồm 17 mục tiêu phát triển bền vững đó là: (1) Xóa nghèo, (2) Xóa đói, (3) Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi, (4) Đảm bảo giáo dục chất lượng, (5) Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái, (6) Đảm bảo việc tiếp cận nguồn nước sạch và cải thiện các điều kiện vệ sinh cho tất cả mọi người, (7) Đảm bảo việc tiếp cận năng lượng với giá cả hợp lý, tin cậy, (8) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, tạo việc làm và công việc tốt cho tất cả mọi người, (9) Xây dựng cơ sở hạ tầng vững chắc, đẩy mạnh công nghiệp hóa và

bền vững, khuyến khích đổi mới, (10) giảm bất bình đẳng trong mỗi quốc gia và giữa các quốc gia, (11) Các thành phố trở nên an toàn, vững chắc và bền vững, (12) Các chương trình 10 năm nhằm hướng tới các mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững, (13) ứng phó với biến đổi khí hậu và các tác động của nó, (14) Bảo tồn và sử dụng bền vững các đại dương, biển và các nguồn tài nguyên biển, (15) Quản lý tài nguyên rừng bền vững, chống sa mạc hóa, chống xói mòn đất và mất đa dạng sinh học, (16) Thúc đẩy xã hội hòa bình, (17) đem lại sức sống mới cho quan hệ đối tác toàn cầu để phát triển bền vững.

Trong Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ) *cũng đã xác định rõ mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể.*

Mục tiêu tổng quát: Tăng trưởng bền vững, có hiệu quả, đi đôi với tiến độ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

Các mục tiêu cụ thể :

- Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là các cân đối lớn; giữ vững an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh tài chính. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu; từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế các bon thấp. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả mọi nguồn lực.

- Xây dựng xã hội dân chủ, kỷ cương, đồng thuận, công bằng, văn minh; nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Con người phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, tinh thần, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trở thành động lực phát triển quan trọng. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

- Giảm thiểu các tác động tiêu cực của hoạt động kinh tế đến môi trường. Khai thác hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên không tái tạo. Phòng

ngừa, kiểm soát và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Hạn chế tác hại của thiên tai, chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng.

Điều đó cho thấy để đạt tới xã hội bền vững, mỗi quốc gia và toàn thế giới đều cần xác lập những mục tiêu cụ thể với các tiêu chí định lượng rõ ràng. Bên cạnh đó, cần có các chỉ tiêu giám sát, đánh giá mức độ phát triển bền vững có thể đạt được. Điều này không mâu thuẫn với những ưu điểm mà Cách mạng 4.0 mang lại. Bởi vì, đặc trưng cơ bản của Cách mạng Công nghiệp 4.0 là sự hợp nhất giữa các lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật số, sinh học v.v... để giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội, sự kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực, các hệ thống kết nối Internet. Cách mạng Công nghiệp 4.0 làm thay đổi mạnh mẽ phương thức sản xuất và phương pháp quản trị “các nhà máy thông minh”, “công sở và thành phố thông minh” được kết nối Internet, liên kết với nhau thành một hệ thống thay vì các dây chuyền sản xuất và phương pháp quản trị hành chính trước đây. Nhờ khả năng kết nối bằng máy tính, các thiết bị di động tiếp cận với các cơ sở dữ liệu lớn từ nhiều nguồn, những tính năng xử lý thông tin được nhân lên nhờ những đột phá về công nghệ bằng trí tuệ nhân tạo, người máy, công nghệ in 3D, công nghệ na-nô, công nghệ điện toán đám mây, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, công nghệ vật liệu mới v.v... Cách mạng Công nghiệp 4.0 sẽ mở ra kỷ nguyên mới của sự lựa chọn các phương án đầu tư kinh doanh, tối ưu hóa sử dụng các nguồn lực, thúc đẩy năng suất lao động và hiệu quả, tạo bước đột phá về tốc độ phát triển, phạm vi mức độ tác động làm biến đổi cơ bản hệ thống sản xuất và quản trị xã hội cả chiều rộng lẫn chiều sâu.

Về khía cạnh con người, trong một xã hội bền vững của thế kỷ 21, mỗi người dân đều có quyền truy cập như nhau vào các nhu cầu cơ bản như dinh dưỡng, nơi ở, giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Trong thời đại Công nghiệp 4.0, con người thậm chí còn phải được thỏa mãn thêm những nhu cầu về mặt tinh thần. Các hệ thống kinh tế minh bạch, công bằng và bền vững, và các công ty sử dụng các phương pháp sản xuất và phân phối bền vững.

3.2. Cách tiếp cận của Phật giáo

Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 mang tới những tiến bộ khoa học và công nghệ vượt bậc. Nó cho phép xã hội có những bước phát triển như vũ bão trên mọi bình diện, kinh tế, văn hóa, xã hội và tất nhiên cả cuộc sống tinh thần và vật chất của con người. Cũng giống như các cuộc cách mạng trước đó, cuộc CMCN 4.0 có tiềm năng nâng cao mức thu nhập toàn cầu và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân trên toàn thế giới.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội mới, cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư này cũng đặt ra cho nhân loại nhiều thách thức phải đối mặt, đó là sự xuống cấp của môi trường, sự mất cân bằng và biến đổi của hệ sinh thái, biến đổi khí hậu, xung đột lợi ích, bạo lực chính trị có tổ chức, sự nghèo đói và bất bình đẳng. Công nghiệp 4.0 với vạn vật kết nối, thế giới phẳng, trí tuệ nhân tạo, bảo mật thông tin, sự phụ thuộc ngày càng cao vào công nghệ, máy móc khiến cho những vấn đề nêu trên có thể sẽ trở nên ngày càng trầm trọng và tinh vi hơn. Những vấn đề này của xã hội liệu có được ý thức từ sớm để được giải quyết hay không và giải quyết ở mức độ nào thì hoàn toàn tùy thuộc vào *sự chia sẻ và chịu trách nhiệm của các thành phần khác nhau trong xã hội*. Mức độ giải quyết các vấn đề trên còn phụ thuộc vào việc ra quyết định của giới lãnh đạo đại diện cho các quốc gia, việc tư duy tìm tòi sáng kiến khoa học của các nhà trí thức, khoa học gia, việc nghiên cứu và ứng dụng các mô hình sản xuất của các nhà kinh tế, doanh nghiệp, việc phục vụ nhu cầu tinh thần và định hướng tinh thần của các nhà văn hóa và các nhà hoạt động tôn giáo, và hơn hết chính là ý thức của cá nhân mỗi người. *Chung quy lại khoa học, công nghệ, văn hóa, kinh tế, xã hội, chính trị v.v... đều phải nhằm một mục đích tối thượng là phục vụ con người và làm sao để con người được sung sướng, hạnh phúc hơn.*

Thế giới hiện tại và tương lai với sự xuất hiện của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 thay đổi phương thức sản xuất từ đó dẫn tới những thay đổi sâu sắc và triệt để tất cả các vấn đề của xã hội. Điều đặc biệt nhất là vạn vật trở nên kết nối, mọi thứ đều có thể xóa nhòa khoảng cách về mặt địa lý, các cộng đồng và các quốc gia ngày càng trở nên phụ thuộc lẫn

nhau, thậm chí mất ranh giới. Ví dụ như cùng một phần mềm Uber ta có thể sử dụng dịch vụ này ở nhiều nước trên thế giới. Thế giới với cộng đồng các quốc gia khác nhau dần dần bắt đầu giống như một xã hội toàn cầu. Tuy nhiên, xã hội này còn phải đối mặt với nhiều vấn đề và xung đột (về kinh tế, văn hóa, chính trị v.v...) vì nó thiếu các quy tắc và thể chế đồng nhất làm chuẩn chung do việc mỗi nước đều có hệ thống pháp lý, hệ thống giáo dục, cùng các quy tắc về bảo vệ xã hội, bảo vệ môi trường riêng của mình. Chính vì vậy, để giải quyết các vấn đề xung đột này cần thiết phải có một **sự lãnh đạo toàn cầu**. Sự lãnh đạo toàn cầu này hiện nay đang được thực thi thông qua Liên Hiệp Quốc nhưng cách thức hay hình thức lãnh đạo toàn cầu có lẽ cần phải được đổi mới để phù hợp với sự phát triển của xã hội mà bên cạnh những tác động tích cực thì kèm với đó là sự gia tăng của các thách thức và các vấn đề phát sinh. Sự lãnh đạo này phải đảm bảo được sự bình đẳng, dung hòa được lợi ích và xung đột giữa các nền kinh tế, tầng lớp xã hội hay quốc gia lãnh thổ, cân bằng được môi trường, hệ sinh thái.

Bên cạnh những vấn đề của xã hội, con người là một động vật bậc cao tiến hóa nhất và phức tạp nhất còn chịu tác động bởi những vấn đề bên trong của bản thân. Xã hội càng phát triển con người càng có nhiều vấn đề khiến bản thân bị áp lực hay bị lôi kéo, định hướng một cách tiêu cực. Những áp lực này đến từ xã hội, từ gia đình, thậm chí từ chính bản thân mỗi người có thể khiến con người rơi vào những trạng thái khủng hoảng về tinh thần từ đó ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất. Trong kỷ nguyên Công nghiệp 4.0, bên cạnh những khía cạnh tích cực mang lại lợi ích cho nhiều người thì việc sử dụng máy móc gia tăng, giao tiếp và chia sẻ giữa người với người giảm, thất nghiệp, bất bình đẳng, phân biệt đối xử, phân biệt chủng tộc, khủng bố, bạo hành v.v... cũng khiến chất lượng cuộc sống suy giảm. Và thực tế là chưa chắc xã hội phát triển vượt trội sẽ khiến con người có cuộc sống hài lòng hơn, hạnh phúc hơn, có cảm giác an toàn hơn, được yên tâm hơn, và những lợi ích của họ không ít bị xâm hại một cách thiếu chính đáng bởi những người đồng loại hơn.

Lợi thế của Phật giáo khi tiếp cận về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững - thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0

Với những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0, soi chiếu với những tư tưởng, giáo lý cốt lõi của mình, Phật giáo đang có nhiều lợi thế trong việc tham gia với sứ mệnh lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững.

Thứ nhất, Phật giáo không chỉ đơn thuần là một tôn giáo mà nó còn là cả một tư tưởng triết học, đạo đức, và tư duy. Moni Bagghee, trong cuốn «Đức Phật của chúng ta» đã viết: “Điều đáng chú ý nhất nơi đức Phật là sự kết hợp gần như độc nhất một đầu óc khoa học trầm tĩnh với lòng thiện cảm sâu xa của từ tâm. Thế giới ngày nay ngày càng hướng về đức Phật, vì Ngài là người duy nhất tiêu biểu cho lương tâm của nhân loại”. ***Phật giáo nhập thế*** lấy con người và xã hội làm trọng tâm không thể tách rời và bàng quan với xã hội. Và như một văn hào phương Tây đã nói, “*Phật giáo là một phương thức làm sao để đạt được lợi lạc cao nhất từ cuộc sống. Phật giáo là một tôn giáo của trí tuệ mà ở đây kiến thức và thông minh chiếm ưu thế. Đức Phật không thuyết giảng để thâu nạp tín đồ mà là để soi sáng người nghe*”. Đạo Phật là đạo giác ngộ, là đạo của con người, là đạo của tình thương, vì con người mà đạo Phật đem lại niềm an vui, hạnh phúc cho những ai có đầy đủ nhân duyên. Như vậy, cũng giống như cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 cái đích cuối cùng hướng tới của đạo Phật là làm cho cuộc sống của con người tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn.

Thứ hai, về tư tưởng, trong Phật giáo chúng ta có đạo lý ***Duyên khởi***. Đây là một là một cái nhìn khoa học và khách quan về thế giới hiện tại. Duyên khởi nghĩa là sự nương tựa lẫn nhau mà sinh tồn và tồn tại. Không những các sự kiện thuộc thế giới con người như thành, bại, thịnh, suy mà tất cả những hiện tượng về thế giới tự nhiên như: cỏ, cây, hoa, lá cũng điều vâng theo luật duyên khởi mà sinh thành, tồn tại và tiêu hoại. Đạo lý vạn vật nương tựa, kết nối, ảnh hưởng tới nhau này cũng là một nguyên lý cơ bản của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 lấy vạn vật kết nối (Internet of things) làm trung tâm.

Đạo lý quan trọng thứ hai là luật nhân quả theo đạo lý **Duyên sinh**, một nhân đơn độc không bao giờ có khả năng sinh ra quả, và một nhân bao giờ cũng đóng vai trò quả, cho một nhân khác. Phật giáo cũng có giáo lý **từ bi, hỷ xả, tinh thần hiếu hòa, hiếu sinh** khiến cho con người có thể sống hài hòa với nhau và với xã hội, với thiên nhiên để tiến đến hạnh phúc chân thực và bền vững.

Qua đây có thể thấy, với những đạo lý cốt lõi nêu trên, đạo Phật có lợi thế rất lớn và rất phù hợp để là lực lượng có thể xây dựng một xã hội bền vững trong thời đại của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Thứ ba, đạo Phật cũng có **Bát chính đạo**⁸ và Tứ diệu đế⁹ là những nguyên lý có thể thay đổi thế giới. Giáo sư T.W. Rhys Davids (1843-1922) - Giáo sư người Anh dạy tiếng Pali - thánh ngữ của Phật giáo và tiếng Phạn (Sanskrit) đã nói “*Là Phật tử hay không phải là Phật tử, tôi đã quan sát mọi hệ thống của các tôn giáo trên thế giới, tôi đã khám phá ra là, không một tôn giáo nào có thể vượt qua được sự quán triệt Bát chính đạo và Tứ diệu đế của đức Phật. Tôi rất mãn nguyện hưởng cuộc đời tôi đi theo con đường đó*”.

Quả thực, nhìn từ quan điểm Phật giáo, những vấn đề tiêu cực của xã hội đều có gốc rễ từ tham, sân và si trong trong hành vi của con người. Chúng thúc đẩy con người phạm vào những hành động phi đạo đức như hủy hoại sự sống, gây hại hoặc làm tổn thương cho các sinh linh, biến thủ tài sản của người khác, phóng túng trong các tà hạnh và hưởng thụ quá đáng những khoái lạc của giác quan, sử dụng những lời lẽ dối trá, cay độc, phỉ báng, phù phiếm, điều đó đã tạo nên những vấn đề nổi cộm đã được nêu ở trên v.v...

8. Bát Chính (Chánh) Đạo là con đường “Trung Đạo” mà Đức Phật đã tìm ra để chứng ngộ Niết-bàn. Con đường gồm có tám điều chân chính, tám phương tiện mẫu nhiệm mà người Phật tử phải làm: “Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định”. Đó là con đường giác ngộ duy nhất. Đứng về mặt triết học, tám yếu tố ấy là tám trạng thái tinh thần (hay tâm sở) nằm trong tám loại tâm siêu thế có đối tượng là Niết-bàn.

9. “Tứ” là bốn; “Diệu” là huyền diệu, mẫu nhiệm, cao quý; “Đế”, là sự thật, là chân lý. Tứ Diệu Đế là bốn chân lý mẫu nhiệm. Đó là: khổ (Khổ Đế); nguồn gốc của khổ (Tập Đế); sự diệt khổ (Diệt Đế) và con đường dẫn đến sự diệt khổ (Đạo Đế).

Tiến bộ vượt bậc của khoa học và công nghệ không thể giải quyết giải quyết được gốc rễ này và chùng nào mà chúng chưa được khắc phục một cách đáng kể hoặc chưa được kiểm chế trong những giới hạn hợp lý thì vẫn khó có thể nghĩ đến thanh bình, hòa hợp, hạnh phúc và hài lòng trong xã hội con người hay nói một cách khái quát hơn là khó mà đạt tới một xã hội hạnh phúc và bền vững.

Phật giáo có thể được xem là con đường dẫn tới sự hoàn hảo về mặt đạo đức. Mục đích của Phật giáo là việc biến đổi hành vi của một người cùng với sự chuyển hóa kết cấu nhận thức và tình cảm của người ấy. Hậu quả của sự biến đổi và chuyển hóa ấy là con người này quan tâm đến việc vượt qua những điều xấu xa của sự sinh tồn và chấm dứt việc gây tạo những đau khổ cho người khác¹⁰.

Một trong những đặc điểm quan trọng nhất phân biệt đời sống giữa loài người với đời sống giữa loài thú là loài người không chỉ mong muốn được sống mà còn mong muốn được sống hạnh phúc, có lý tưởng. Loài người tìm kiếm ý nghĩa của đời sống; đồng thời, mưu cầu đạt tới một lý tưởng đạo đức chính đáng và hợp lý. Về phương diện này, so với các tôn giáo khác, có lẽ Phật giáo có thể đem lại nhiều đóng góp cho con người hiện đại.

Từ những quan điểm, nguyên lý nêu trên, rõ ràng chúng ta thấy được dưới góc độ tiếp cận của Phật giáo thì vấn đề về sự chia sẻ và chịu trách nhiệm của các thành phần khác nhau trong xã hội sẽ được giải quyết một cách tự nhiên và thuận lợi hơn rất nhiều.

Như vậy, Phật giáo với những tư tưởng và triết lý của mình hoàn toàn có thể chia sẻ trách nhiệm hướng tới một xã hội bền vững trên toàn cầu.

3.3. Tăng cường sự lan tỏa giá trị của Phật giáo dưới sự hỗ trợ của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 hướng tới một xã hội bền vững trên toàn cầu

Như đã phân tích ở trên, Phật giáo có thể được coi như một

10 . Buddhist Ethics, Moral Perfection and Modern Society, P.D. Premarisi, Hiệp hội Xuất bản Phật giáo, Sri Lanka, 2002

cách thức hữu hiệu để giải quyết các vấn đề phát sinh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 của loài người dựa trên các quy tắc, triết lý, đạo đức và tư tưởng của mình. Ngược lại cuộc cách mạng lần này cũng là một cơ hội để tăng cường sự lan tỏa giá trị của Phật giáo thông qua các công cụ công nghệ như vạn vật kết nối, trí tuệ nhân tạo, cơ sở dữ liệu lớn v.v...

Tuy nhiên, nhìn lại tình hình hiện tại, những giáo lý, tư tưởng của Phật giáo vẫn đang chủ yếu được truyền đạt, lan tỏa theo phương pháp truyền thống tức là việc học đạo, học tu tập (thiền, vv) của các Phật tử vẫn diễn ra chính tại các chùa. Bên cạnh đó, với sự bùng nổ mạnh mẽ của cuộc khoa học công nghệ 4.0 đang tạo ra rất nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu và thu hút con người tham gia, từ đó đưa giá trị của Phật giáo đến cộng đồng nhiều hơn nữa.

Vậy giải pháp đưa ra là gì?

Trước hết để bắt nhịp được với sự phát triển của cuộc Cách mạng 4.0, Phật giáo cần xác định nhiều giải pháp nhằm thay đổi, đa dạng hóa phương thức truyền tải những tư tưởng, giáo lý đến được nhiều người hơn nữa, qua đó, đưa được những giá trị của Phật giáo sâu rộng hơn đời sống xã hội.

Nhìn về thời quá khứ, khi chưa có thiết bị công nghệ hiện đại người ta truyền bá kiến thức bằng hình thức truyền miệng nói chung hay đức Phật và các đệ tử của Ngài phải đi khắp các vùng miền để giáo hóa, chỉ dạy cho mọi người bằng kim khẩu của mình nói riêng. Nhưng nhìn chung thì phương thức truyền miệng khó nhớ, nhiều dị bản khi lưu lại đời sau, để truyền đi xa rất khó, vất vả, tốn nhiều thời gian, công sức.

Sau này, tiến bộ hơn đã có chữ viết, khắc chữ vào bản gỗ để in, viết vào lá bối, sau thì giấy mực ra đời thì họ truyền bá bằng chữ viết có thể lưu lại cho con cháu đời sau. Hình thức này tuy tiến bộ nhưng vẫn còn một số nhược điểm là dễ mai một, bản khắc di chuyển nặng nề, giấy bị mực nát, chữ viết nhòe theo thời gian, muốn sao chép thành nhiều bản rất tốn công sức, mất nhiều thời gian, thậm chí là cả về kinh tế.

Nhưng khi có những thiết bị công nghệ thông tin hiện đại chúng

ta có thể dễ dàng xem, lưu trữ, tìm kiếm v.v... Chẳng hạn như một bộ sách kinh quý, theo thời gian sẽ bị hỏng, mục nát nhưng nếu được soạn thảo, lưu trữ dưới dạng file word và pdf thì ta có thể sao chép thành rất nhiều bản trong thời gian ngắn, không tốn nhiều công sức và đặc biệt khi bộ kinh đó được đăng tải trên các trang mạng thì sẽ được bảo quản lâu, rất khó mai một, có vô số người được tiếp cận, được đọc vì thế mà được lưu trữ lâu dài. Như vậy đó là lợi ích, ưu điểm đầu tiên của việc áp dụng công nghệ thông tin vào việc truyền bá chính pháp mà chúng ta dễ dàng thấy được.

Bên cạnh đó, việc đăng tải các video, bài pháp thoại của các vị thầy đức hạnh, tu chân chính có khả năng diễn giải một cách dễ hiểu giáo lý của Phật, giải đáp các vấn đề của xã hội thông qua triết lý đạo Phật v.v... trên mạng xã hội hay đơn giản chỉ là những bài chia sẻ kinh nghiệm tu tập của các vị tôn túc trên kênh Youtube, Website v.v... khi đăng tải như vậy sẽ có hàng trăm ngàn, thậm chí là hàng triệu lượt xem với mỗi video và như thế số người được xem, được tiếp cận, được mở rộng. Số lượng người được thấy biết rất lớn chứ không còn gò bó, giới hạn chỉ vài trăm người hay vài chục người tham dự khi chỉ diễn ra trong hội trường, giảng đường vì điều kiện cơ sở vật chất không cho phép.

Hoặc khi diễn ra buổi pháp thoại đó có những người vì bận công việc, vì gia duyên, vì khoảng cách địa lý v.v... họ không thể đến tham dự được nhưng nếu bài pháp thoại đó được đăng tải trên mạng thì họ vẫn có thể xem, học tập những gì mà vị thầy đã truyền dạy. Thêm vào đó là những người đã tham dự buổi pháp thoại hôm ấy về nhà họ vẫn có thể xem lại nhiều lần, có thời gian để nghiền ngẫm, suy nghĩ kỹ hơn về những điều đã được truyền dạy, thậm chí khi những vị đó không còn đủ sức khỏe để đi giảng dạy hay đã tịch thì thế hệ sau vẫn được nghe những lời chỉ dạy của người. Ví dụ như các bài pháp thoại của Hòa thượng Thích Nhất Hạnh, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Tịnh Không v.v...

Không những thế, ứng dụng CNTT vào việc truyền bá chính pháp của Phật giáo còn là việc phát trực tiếp những thời tụng kinh, tu tập ở các đạo tràng giúp cho mọi người có thể tham dự vào thời tụng niệm đó cùng thời điểm mặc dù không cùng địa điểm, khoảng cách địa lý đã bị xóa tan thay vào đó họ được gặp nhau trong những tâm niệm hướng đến sự thánh thiện, cùng sách tấn nhau tu tập.

Hay như việc sử dụng mạng xã hội để đăng tải những dòng trạng thái tích cực, truyền năng lượng bình an đến với những người hữu duyên đọc được v.v... Và cũng có thể là việc chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn đại chúng tu tập, chia sẻ một bài kinh ý nghĩa trên trang facebook của mình để biết đâu có ai đó họ đang buồn, đang đau khổ về những điều không mong muốn trong cuộc sống họ đọc được những điều này và từ đó nhận ra được đạo lý tốt đẹp của cuộc đời và có những suy nghĩ tích cực hơn giúp họ vượt đi phần nào nỗi khổ niềm đau do nghiệp mình đã tạo hoặc sẽ mạnh mẽ hơn để đương đầu với nghiệp.

Phật giáo cũng có thể nghĩ tới những phần mềm dựa trên trí tuệ nhân tạo, big data. Những phần mềm hay ứng dụng này có thể thu nạp những thông tin do người sử dụng khai, sau đó đưa ra những kết luận về tâm trạng, tinh thần hoặc định hướng về một loại hình học tập hay sinh hoạt nào đó ví dụ như những khóa tu tập hay những khóa thiền v.v... Bên cạnh đó, các thư viện, không gian Thiền, khóa tu trên không gian mạng là hoàn toàn khả thi trong thời kỳ 4.0.

Trong bối cảnh hiện nay, nhu cầu của con người về thông tin được đòi hỏi ngày càng cao. Do đó, ngôn ngữ truyền đạt của Phật giáo cũng cần nghiên cứu thay đổi để Phật tử có thể hiểu rõ nội dung, suy ngẫm và vận dụng. Việc giảng dạy giáo lý sẽ gần gũi, dễ nhớ, dễ hiểu tạo sức lôi cuốn hơn khi vị giảng sư biết sử dụng máy chiếu, soạn các bài giảng PowerPoint ấn tượng để trình bày bài giảng với những hình ảnh, âm thanh, video sống động, gần gũi chân thực để từ đó mọi người không bị nhàm chán, trái lại có thể dễ dàng áp dụng vào đời sống thường nhật của mình khi mà những giáo lý siêu tuyệt, chân thật của đức Phật đã đi sâu vào lòng người và khoáng cách không gian, thời gian được xóa nhòa.

Như vậy, chúng ta có thể thấy CNTT đang mang đến rất nhiều ích lợi, giá trị to lớn và đang được cộng đồng xã hội hưởng ứng hết sức nhiệt tình và được ứng dụng rộng rãi. Nhưng bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số vấn đề đáng lo ngại của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc truyền bá chính pháp của đức Phật.

Thứ nhất, mạng xã hội không dành riêng cho ai, ai cũng có quyền đăng tải và xem bất cứ cái gì trên đó khi được để chế độ công khai (public) vì thế mà có một số kẻ xấu đã lợi dụng để trà trộn vào, lồng

ghép vào những giáo điều sai trái, truyền bá tư tưởng xấu làm sai lệch đi ý nghĩa thánh thiện giải thoát của kinh điển. Hay những bài giảng đăng tải một số thầy sư học và trải nghiệm chưa đủ để thuyết pháp, còn thuyết giảng với tư tưởng, suy nghĩ, quan điểm của cá nhân và cho rằng đó là ý của Phật vì thế làm sai lệch, mất đi giá trị của những bài pháp thoại theo đúng nghĩa của nó.

Từ đó khiến những người mới học đạo hay mới tìm hiểu về giáo lý giác ngộ của đức Phật bị mơ hồ, nghi hoặc, chao đảo thậm chí làm thối lui tâm bồ đề ban đầu của họ bởi thật giả lẫn lộn hay dẫn đến những tư tưởng lệch lạc cho rất nhiều người vì họ chưa đủ sức để phân biệt đâu là chính pháp đâu là tà pháp và tất cả những video đó tràn lan không có sự xác nhận đâu là chính pháp, đâu là tà pháp.

Thứ hai, sử dụng Internet phần lớn là những người trẻ, là học sinh, sinh viên - những người cả tin, luôn tò mò muốn biết mọi thứ nhưng họ chưa có kinh nghiệm sống, còn non nớt, thiếu chín chắn, luôn quyết định và hành động nhanh, hấp tấp, vội vàng vì thế mà rất dễ bị lợi dụng niềm tin tôn giáo, lôi kéo, dụ dỗ đi theo tà giáo, mê tín dị đoan.

Thứ ba, là sự giả mạo trang facebook của chùa, quý sư thầy, sư cô có uy tín để lừa đảo, lợi dụng lòng tin của người khác nhằm thỏa mãn mục đích cá nhân ích kỉ như phá hoại thanh danh, lừa tiền của của những người hảo tâm.

Tương tự như vậy, là các nhóm từ thiện, thiện nguyện lợi dụng danh nghĩa Phật giáo để nhằm mục đích lừa đảo hay vụ lợi cá nhân. Không những thế, điều đó còn làm ảnh hưởng xấu, tai tiếng cho pháp bố thí của những người chân chính.

Thứ tư, bất cập tiếp theo của việc ứng dụng CNTT vào việc truyền bá chính pháp là việc bị các hãng quảng cáo tự ý chèn video, hình ảnh quảng cáo không phù hợp vào bài thuyết pháp cản sự tôn nghiêm hoặc các bài quảng cáo làm gián đoạn video thuyết pháp, gián đoạn dòng suy nghĩ của người thính pháp. Đó là vấn đề hết sức nan giải và chưa có cách giải quyết triệt để. Nhiều video thuyết pháp bị tùy tiện chèn quảng cáo vào vì họ biết được đó là những video có hàng triệu lượt xem vì thế mà quảng cáo của họ cũng sẽ có hàng triệu lượt xem mà không tốn phí.

Giải pháp khắc phục

Bên cạnh sự phức tạp của thế giới mạng, của Vạn vật kết nối mà chúng ta buộc phải chấp nhận cả những điều tích cực lẫn tiêu cực, Phật giáo các nước và các tổ chức hay hội đoàn Phật giáo quốc tế có uy tín nên công bố những trang truyền thông chính thống của mình để làm cơ sở tra cứu chuẩn mực cho Phật tử khắp nơi. Những trang này có thể đăng tải các tài liệu về Phật giáo hay các bài thuyết pháp chính pháp có chất lượng về âm thanh, hình ảnh cũng như tạo ra các mục nhằm trao đổi và giải đáp những thắc mắc của người đọc hay người tìm hiểu về Phật pháp.

Ngoài ra, trong chương trình giảng dạy, ngoài những tư tưởng cốt lõi của đạo Phật cũng cần được cập nhật những giáo lý về toán học, y học, công nghệ IT v.v... để Phật tử có thể cảm nhận rõ ràng về sự tiến bộ, khoa học của Phật giáo trong bối cảnh xã hội mới. Đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành của các cơ quan Phật giáo.

KẾT LUẬN/THÔNG điệp:

Con người là trung tâm của xã hội. Mọi tiến bộ khoa học, kỹ thuật, xã hội, kinh tế, chính trị, tôn giáo đều phải vì con người, phục vụ cho con người và cải thiện cuộc sống của con người. Lịch sử nhân loại cho thấy, chưa có cuộc cách mạng khoa học nào bên cạnh những thành quả đạt được mà không mang theo những thách thức, tiêu cực và hiểm họa cho con người. Trước những cơ hội cũng như thách thức đặt ra của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, các vấn đề của con người và xã hội ngày càng trở nên phức tạp. Tôn giáo được coi là cứu cánh để giúp con người xử lý các vấn đề này. Trong các tôn giáo, Phật giáo với triết lý và tư tưởng của mình xứng đáng chiếm một chỗ đứng quan trọng trong xã hội hôm nay và mai sau.

Phật giáo nhập thế lấy con người làm trọng tâm trong mối giao hoà với xã hội và chia sẻ trách nhiệm xã hội, trong mối quan hệ hài hòa giữa con người với thiên nhiên, được thiên nhiên bao bọc, nuôi dưỡng. Do đó, trong bối cảnh phát triển của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 hiện nay, Phật giáo *hoàn toàn* có thể giúp đỡ thế giới hướng tới một xã hội bền vững trên toàn cầu, tham gia xây dựng và hình thành một xã hội phát triển bền vững ở phạm vi quốc gia và trên toàn thế giới. Bởi vì, Phật giáo thúc đẩy tinh thần khoan

dung trong mỗi người, đây chính là chìa khóa để ngăn ngừa xung đột (chiến tranh), giúp xây dựng được nền văn hóa hòa bình trên thế giới. Phật giáo giúp giải quyết những xung đột đang diễn ra, không phải bằng cách can thiệp trực tiếp vào các xung đột mà có thể tư vấn cho các nhà chính trị cách giải quyết được xung đột một cách dung hòa. Tuyên truyền triết lý nhà Phật là dùng sự tha thứ và lòng yêu thương để đáp lại lòng thù hận, thì mới hóa giải được sự thù hận cũng như các đạo lý gốc rễ khác như duyên sinh, duyên khởi, và giáo lý căn bản Bát chính đạo, Tứ diệu đế v.v... sẽ góp phần duy trì được nền hòa bình một cách bền vững trên thế giới. Vesak 2019 hôm nay là một diễn đàn như thế. Cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững - thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ giúp mỗi chúng ta cùng chiêm nghiệm, nhìn nhận lại con đường đi, phương hướng đã lựa chọn để có được cho mình sự lựa chọn đạo đức nhất, hoàn hảo nhất và bền vững nhất.

Như Einstein, nhà vật lý học người Đức đã phát triển thuyết tương đối tổng quát, một trong hai trụ cột của vật lý hiện đại, cũng là một trong những nhà khoa học vĩ đại nhất mọi thời đại đã nói:

"The religion of the future will be a cosmic religion. It would transcend a person God and avoid dogmas and theology. Covering both the natural and the spiritual, it should be based on a religious sense, arising from the experience of all things, natural and spiritual, as a meaningful unity. Buddhism answers this description"

(Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo toàn cầu, vượt lên trên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lĩnh vực trên trong cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó).

Phát biểu này của A. Einstein được nêu trong cuốn *Welcoming Flowers from Across the Cleansed Threshold of Hope: An Answer to the Pope's Criticism of Buddhism*, của tác giả Thinley Norbu (Nxb. New York: Jewel Publishing House, 1997).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thinley Norbu (1997), Đón hoa từ khắp ngưỡng cửa của hy vọng: Trả lời phê bình của Giáo hoàng về Phật giáo (Welcoming Flowers from Across the Cleansed Threshold of Hope: An Answer to the Pope's Criticism of Buddhism), NXB New York: Jewel Publishing House.

P.D. Premarisi (2002), Buddhist Ethics, Moral Perfection and Modern Society, Hiệp hội Xuất bản Phật giáo, Sri Lanka.

László szombatfalvy (2009), Những thách thức lớn nhất của thời đại của, NXB Ekerlids Publishing House.

Hoang Phong chuyển ngữ (2012), BUDDHADASA, Quyển sách cho nhân loại Tóm lược Đạo Pháp của Đức Phật, Nhà Xuất Bản Phương Đông.

Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính Phủ)

Kagermann, H., Wahlster, W., & Helbig, J. (2013), Các khuyến nghị để thực hiện sáng kiến chiến lược CÔNG NGHIỆP 4.0. Báo cáo cuối cùng về Công nghiệp 4.0 (Recommendations for implementing the strategic initiative INDUSTRIE 4.0. Final report of the Industrie 4.0)

BCG: Boston Consulting Group (2015), Công nghiệp 4.0. Tương lai của năng suất và tăng trưởng trong các ngành sản xuất (Industry 4.0. The Future of Productivity and Growth in Manufacturing Industries).

Hermann M, Pentek T., & Otto, B (2015), Nguyên tắc chung cho các kịch bản công nghiệp 4.0: Xem xét hiện trạng tài liệu (Design principles for industrie 4.0 scenarios: A literature review). Working paper No. 01 / 2015. ISO/IEC CD 30141 - Internet of Things Reference Architecture (IoT RA)

Kohler & Weisz (2015), “Cách mạng 4.0 : Chiến lược số nào ?”, NXB Bpifrance Industrie 4.0.

Nhiều tác giả, 2016, Bộ dẫn luận Phật giáo, NXB Hồng Đức.

PwC 2016, Báo cáo Hoạt động kỹ thuật số toàn cầu 2016

Klaus Schwab (2017), Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (The Fourth Industrial Revolution), NXB Currency.

Viện nghiên cứu Phật giáo Pháp: <https://bouddhismes.net/>

Viện Theo Dõi Môi Trường Thế Giới Worldwatch : www.world-watch.org

Chỉ số xã hội bền vững: www.ssfindex.com

Cổng thông tin điện tử Phật giáo tại Việt Nam: www.phatgiao.org.vn

